

BỘ THƯƠNG MẠI**BỘ THƯƠNG MẠI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2006/QĐ-BTM

*Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2006***QUYẾT ĐỊNH****Về việc ban hành Tiêu chí phê duyệt****Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia giai đoạn 2006 - 2010****BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI**

Căn cứ Nghị định số 29/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 279/2005/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia giai đoạn 2006 - 2010;

Sau khi trao đổi thống nhất với các Bộ liên quan;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xúc tiến Thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các tiêu chí phê duyệt chương trình xúc tiến thương mại quốc gia giai đoạn 2006 - 2010 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan liên quan và các thành viên Hội đồng thẩm định Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia giai đoạn 2006 - 2010 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lương Văn Tụ

TIÊU CHÍ PHÊ DUYỆT
CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI QUỐC GIA 2006 - 2010

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2006/QĐ-BTM
ngày 07 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Thương mại)

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐIỂM SỐ	
		Điểm tối đa	Điểm đánh giá của chuyên gia
1	Đánh giá về sự cần thiết, ý tưởng đề án	15	
	Chương trình phù hợp với định hướng và chiến lược phát triển xuất khẩu quốc gia (mặt hàng, thị trường), ngành hàng và đề xuất của các Hiệp hội ngành hàng.	5	
	Chứng minh chương trình xuất phát từ nhu cầu của doanh nghiệp, không phải dựa trên suy đoán chủ quan của chủ chương trình.	5	
	- Đề án nêu rõ tính mục tiêu và tính phù hợp của hoạt động xúc tiến thương mại để đạt được mục tiêu đề ra.	5	
2	Đánh giá phương án triển khai	45	
	Phương án tổng thể để triển khai thực hiện đảm bảo tính khoa học, có tính khả thi cao, ít rủi ro.	10	
	Kế hoạch thực hiện chi tiết từng hạng mục công việc chính khoa học, đầy đủ, hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế, đồng thời đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp.	15	
	Kế hoạch bố trí nhân lực, tiến độ thời gian; lịch trình triển khai hợp lý	5	
	Phương án tài chính hợp lý	15	
3	Đánh giá năng lực triển khai	30	
	Kinh nghiệm, điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị của đơn vị chủ trì cho phép tiến hành đề án	5	

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐIỂM SỐ	
		Điểm tối đa	Điểm đánh giá của chuyên gia
	Người chủ trì đề án và nhân lực trực tiếp triển khai là người có kinh nghiệm, thời gian, chuyên môn và khả năng tổ chức quản lý phù hợp với yêu cầu và quy mô của đề án.	10	
	Kinh nghiệm, khả năng hợp tác với các chuyên gia, đối tác uy tín trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực đề cập trong đề án.	5	
	Khả năng huy động nguồn vốn đối ứng của các doanh nghiệp	10	
4	Đánh giá hiệu quả dự kiến của chương trình	10	
	Phân tích hiệu quả chung của chương trình; những lợi ích trực tiếp và gián tiếp đối với đối tượng hưởng lợi (định tính, định lượng, ngắn hạn, dài hạn)	10	
	Tổng cộng	100	

Từ 85 điểm trở lên: Đề án đạt

Từ 65 - 84 điểm: Đề án đạt nhưng cần điều chỉnh bổ sung

Dưới 65 điểm: Đề án không đạt.